



MDRT

The Premier Association of
Financial Professionals®

Thông tin về tư cách thành viên Million Dollar Round Table năm 2024

Dựa trên doanh thu năm 2023

Million Dollar Round Table

325 West Touhy Avenue, Park Ridge, IL 60068 USA | Phone: +1 847.692.6378 | Fax: +1 847.518.8921 |
Email: memberrelations@mdrt.org

Toàn cầu - 24/10/2023

XIN LƯU Ý

Vui lòng hủy mọi bản sao của tài liệu này nếu ở chân mỗi trang không ghi “Toàn cầu – 24/10/2023.”

- Yêu cầu về doanh thu cho thị trường cụ thể được liệt kê ở trang 3 và trang 11-16.
- Yêu cầu về Phương thức định mức Thu nhập được cập nhật tại trang 3, 5, 9 và 14-16.
- Yêu cầu về Hiệp hội Nghề nghiệp chuyên môn đã được xóa tại trang 3 và 6.
- Bảo hiểm y tế và cách đếm hợp đồng đã được cập nhật tại trang 4 và 8.
- Ngày diễn ra Hội nghị Toàn cầu năm 2024 đã được cập nhật ở trang 10.

Mục lục

	Trang
I. Yêu cầu về Doanh thu -----	3
II. Tính đủ điều kiện -----	4
III. Báo cáo -----	5
IV. Các yêu cầu Bổ sung-----	6
V. Thông tin làm rõ -----	7
VI. Minh họa-----	9
VII. Các hội nghị-----	10
VIII. Yêu cầu về Doanh thu Tiền hoa hồng/Phí bảo hiểm theo Thị trường -----	11
IX. Yêu cầu về Doanh thu Tiền thu nhập theo thị trường-----	14

Đăng ký thành viên trực tuyến năm 2024 tại
mdrt.org/membership-application

THÔNG TIN THÀNH VIÊN CỦA

Million Dollar Round Table năm 2024

I. YÊU CẦU VỀ DOANH THU

1. Phương thức doanh thu

Tư cách thành viên 2024 sẽ được xác định dựa trên các phương thức doanh thu sau: (Xem trang 4 để biết các sản phẩm):

- **Phương thức định mức Hoa hồng**
Yêu cầu tiền hoa hồng đủ điều kiện đã được thanh toán tối thiểu là 74.000 USD. Trong tổng số tiền này, tối thiểu 37.000 USD trong số tiền hoa hồng được chi trả (50% của số tiền yêu cầu) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
- **Phương thức định mức Phí bảo hiểm**
Yêu cầu tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện đã được thanh toán tối thiểu là 148.000 USD. Trong tổng số tiền này, tối thiểu 74.000 USD trong số tiền phí bảo hiểm được chi trả (50% của số tiền yêu cầu) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
- **Phương thức định mức Thu nhập đủ điều kiện**
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 128.000 USD. Tối thiểu 37.000 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới được tạo ra trong năm doanh thu. Hơn nữa, tối thiểu 37.000 USD phải bắt nguồn từ thu nhập liên quan đến các sản phẩm trong danh mục Bảo hiểm rủi ro. Có thể cùng một hoạt động kinh doanh, ví dụ như bán các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mới, có thể đáp ứng cả hai yêu cầu.

2. Court of the Table (COT)

- **Phương thức định mức Tiền hoa hồng và Phí bảo hiểm**
Tối thiểu 222.000 USD tiền hoa hồng đủ điều kiện được thanh toán hoặc 444.000 USD tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện được thanh toán. Ít nhất 37.000 USD tiền hoa hồng hoặc 74.000 USD tiền phí bảo hiểm (50% của yêu cầu để được tham gia MDRT) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ khoản tín dụng nào từ các hợp đồng bảo hiểm được liệt kê trong danh mục Sản phẩm khác.
- **Phương thức định mức Thu nhập**
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm đủ điều kiện tối thiểu là 384.000 USD. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 37.000 USD đến từ hoạt động kinh doanh mới và 37.000 USD từ hoạt động kinh doanh Bảo hiểm rủi ro.

3. Top of the Table (TOT)

- **Phương thức định mức Tiền hoa hồng và Phí bảo hiểm**
Tối thiểu 444.000 USD tiền hoa hồng đủ điều kiện được thanh toán hoặc 888.000 USD tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện được thanh toán. Ít nhất 37.000 USD tiền hoa hồng hoặc 74.000 USD tiền phí bảo hiểm (50% của yêu cầu để được tham gia MDRT) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ khoản tín dụng nào từ các hợp đồng bảo hiểm được liệt kê trong danh mục Sản phẩm khác.
- **Phương thức định mức Thu nhập**
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm đủ điều kiện tối thiểu là 768.000 USD. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 37.000 USD đến từ hoạt động kinh doanh mới và 37.000 USD từ hoạt động kinh doanh Bảo hiểm rủi ro.
- **Miễn trừ dành cho Top of the Table**
Các thành viên Top of the Table có tối thiểu 10 năm là thành viên Top of the Table không đáp ứng được mức doanh thu tối thiểu được yêu cầu có thể nộp đơn theo điều khoản miễn trừ dành cho thành viên Top of the Table nhưng phải nộp các khoản lệ phí Top of the Table.

Bỏ Yêu cầu về Hiệp hội Nghề nghiệp chuyên môn

Từ năm tư cách thành viên 2024, yêu cầu trước kia về tư cách thành viên tại một hiệp hội nghề nghiệp riêng biệt như điều kiện tiên quyết cho tư cách thành viên MDRT đã được xóa bỏ.

Vui lòng lưu ý rằng: Các ứng viên không thể kết hợp tín dụng doanh thu từ các phương thức nêu trên để đạt được yêu cầu tối thiểu. Các ứng viên sẽ chỉ được phê duyệt theo một phương thức.

Các yêu cầu doanh thu trong năm 2024 cho ứng viên bên ngoài Hoa Kỳ được thể hiện bằng nội tệ trong các bảng ở cuối tài liệu này. Tất cả các khoản tín dụng hoa hồng, phí bảo hiểm hoặc thu nhập được báo cáo phải được chuyển đổi sang đô la Mỹ (USD) bằng cách sử dụng hệ số chuyển đổi MDRT được liệt kê ở cuối tài liệu này.

4. Sản phẩm và Tín dụng Đủ điều kiện

CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM RỦI RO

Sản phẩm từ công ty bảo hiểm nhân thọ

Chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (cá nhân)

Bệnh hiểm nghèo (cá nhân)

Hợp đồng thu nhập cho người khuyết tật (cá nhân)

Nhân thọ (cá nhân)

Tối đa phí bảo hiểm hàng năm/ phí bảo hiểm mục tiêu

Tiền gửi vượt mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu/phụ trội

Phí bảo hiểm đơn (trộn đời và đầu tư)

Bảo hiểm trợ cấp ngắn hạn (tối đa 15 năm)

Chăm sóc dài hạn (cá nhân)

Thương tật toàn bộ vĩnh viễn và tử vong do tai nạn (nhóm)

Bệnh hiểm nghèo (nhóm)

Hợp đồng thu nhập cho người khuyết tật (nhóm)

Nhân thọ (nhóm)

Chăm sóc dài hạn (nhóm)

Niên kim (cá nhân và nhóm)

Phí bảo hiểm đơn và/hoặc bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn tối đa 15 năm)

Tín dụng Hoa hồng/Phí

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng được thanh toán

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% toàn bộ tiền hoa hồng

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

Tín dụng Phí bảo hiểm

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% phí bảo hiểm vượt mức

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% tiền đầu tư mới

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

CÁC SẢN PHẨM KHÁC

Sản phẩm

Bảo hiểm y tế* (cá nhân)

Bảo hiểm y tế* (nhóm)

Quỹ tương hỗ

Chứng khoán

Tài khoản trọn gói/tài khoản quản lý tài sản

Phí hoạch định tài chính/ phí tư vấn

Tín dụng Hoa hồng/Phí

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí

100% tiền hoa hồng/phí từ tiền đầu tư mới

100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí

100% phí ròng

Tín dụng Phí bảo hiểm

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% tiền đầu tư mới

6% tiền đầu tư mới

6% tiền đầu tư mới

100% tổng phí

* Xem trang 8 để biết thêm chi tiết.

II. TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN

1. Tổng quan về Đủ điều kiện

- Ứng viên nộp đơn lần đầu tiên vào MDRT phải sử dụng phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm để chứng minh đủ điều kiện trở thành thành viên. (Xem bảng trang 5.)
- Bất kỳ cá nhân nào từng là thành viên MDRT trước đây đủ điều kiện nộp đơn bằng cách sử dụng phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện.

2. Cấp tư cách thành viên MDRT

Tư cách thành viên MDRT chỉ được cấp với **thời hạn một năm**. Tất cả thành viên **phải nộp đơn hàng năm** để tiếp tục là thành viên của MDRT.

• Thành viên Đủ tiêu chuẩn

Cá nhân là người nộp đơn lần đầu tiên sẽ trở thành Thành viên đủ điều kiện (Q) khi đơn đăng ký bản cứng của người đó được chấp thuận. Cho đến khi đạt được cột mốc thành viên năm thứ 10, thành viên đó sẽ là Thành viên đủ điều kiện.

• Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời

Một cá nhân trở thành Thành viên đủ điều kiện trộn đời (QL) khi được chấp thuận tư cách thành viên năm thứ mười. Trạng thái Đủ điều kiện Trộn đời được duy trì trong những năm về sau bằng cách nộp đơn đăng ký hàng năm, bao gồm (các) thu xác nhận chứng minh doanh thu đủ điều kiện hoặc chứng nhận đạt mức doanh thu tối thiểu hiện tại và bằng cách trả các khoản phí thành viên bắt buộc.

• Thành viên Trộn đời

Sau khi đạt được tư cách Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời, ứng viên xin trở thành Thành viên trộn đời sẽ tuyên bố rằng họ đã không đáp ứng yêu cầu về doanh thu nhưng vẫn muốn tiếp tục là thành viên MDRT. Thành viên trộn đời **phải nộp đơn đăng ký và trả khoản phí bắt buộc hàng năm**.

Loại Thành viên	HOA HỒNG						Loại Thành viên	PHÍ BẢO HIỂM					
	MDRT		COT		TOT			MDRT		COT		TOT	
	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công		Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công
Doanh thu	37.000\$	74.000\$	37.000\$	222.000\$	37.000\$	444.000\$	Doanh thu	74.000\$	148.000\$	74.000\$	444.000\$	74.000\$	888.000\$
Thành viên lần đầu	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thành viên lần đầu	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty	
Thành viên tham gia 2 - 10 năm	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thành viên tham gia 2 - 10 năm	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty	
Thành viên 11 năm trở lên	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		Thành viên 11 năm trở lên	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT	
Thư xác nhận	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		Thư xác nhận	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT	
Được ký bởi	Không bắt buộc		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Không bắt buộc		Công ty		Công ty	

Loại Thành viên	THU NHẬP								
	MDRT			COT			TOT		
	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công
Doanh thu	37.000\$	37.000\$	128.000\$	37.000\$	37.000\$	384.000\$	37.000\$	37.000\$	768.000\$
Thành viên lần đầu	Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện		
Thư xác nhận	Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện		
Được ký bởi	Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện		
Thành viên tham gia 2 - 10 năm	Bắt buộc			Bắt buộc			Bắt buộc		
Thư xác nhận	Bắt buộc			Bắt buộc			Bắt buộc		
Được ký bởi	Tự ký			Tự ký			Tự ký		
Thành viên 11 năm trở lên	Không bắt buộc			Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT			Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		
Thư xác nhận	Không bắt buộc			Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT			Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		
Được ký bởi	Không bắt buộc			Tự ký			Tự ký		

III. BÁO CÁO

1. Xác minh số doanh thu

- Xác minh Tiền hoa hồng và Phí bảo hiểm**

Ứng viên nộp đơn lần đầu tiên **CHỈ** được sử dụng phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm và cung cấp (các) thư xác nhận được xác minh bởi bên thứ ba. Những người nộp đơn đăng ký làm Thành viên đủ điều kiện (năm hai đến năm 10) có thể nộp các thư xác nhận thông thường được xác minh bởi bên thứ ba đối với tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm hoặc nộp một thư xác nhận tự ký và đính kèm các tài liệu hỗ trợ cho phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện như đã nêu ở trên. Thư xác nhận có thể được cấp bởi một đại diện của công ty/môi giới/đại lý môi giới, một Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan/công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn.

- Xác minh thu nhập**

Việc xác minh doanh thu đủ điều kiện theo phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện sẽ được thực hiện thông qua thư xác nhận có chữ ký của ứng viên. Tất cả các đơn nộp theo phương thức định mức thu nhập đều phải tuân theo hoạt động kiểm toán xác minh doanh thu ngẫu nhiên sau đó. Nếu được chọn, cá nhân sẽ phải cung cấp tài liệu hỗ trợ, chẳng hạn như các bản sao kê tiền hoa hồng để xác minh số tiền. Tài liệu hỗ trợ khác có thể chấp nhận được là bản kê khai thu nhập được ký bởi một đại diện của công ty/đại lý môi giới, một Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan/công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn. Hồ sơ thuế cũng có thể sử dụng được.

- **Báo cáo giảm thuế dành cho Thành viên Đủ điều kiện Trọn đời và Thành viên Trọn đời**

Một khi đã đủ điều kiện trở thành Thành viên Trọn đời, những thành viên đã đạt được tư cách Thành viên Đủ điều kiện Trọn đời hoặc Thành viên Trọn đời sẽ đủ điều kiện để nộp đơn hàng năm, bao gồm (các) thư xác nhận chứng minh doanh thu đủ điều kiện hoặc bằng cách xác nhận là đã đáp ứng được mức doanh thu tối thiểu hiện tại và trả phí thành viên bắt buộc. Không bắt buộc phải có bằng chứng về số doanh thu (chẳng hạn như thư xác nhận hoặc tài liệu về hoa hồng/thu nhập) kể từ năm thứ mười một trở đi. Những ứng viên muốn trở thành Thành viên Trọn đời sẽ tuyên bố rằng họ đã không đáp ứng được yêu cầu về doanh thu nhưng vẫn muốn tiếp tục là thành viên MDRT.

- 2. **Court of the Table**

- Ứng viên phải tiếp tục nộp bằng chứng về doanh thu thông qua (các) thư xác nhận cho đến khi đạt được 10 năm là thành viên ở cấp cao hơn. Họ có thể tuyên bố đủ điều kiện mà không cần có thư xác nhận hoặc tài liệu thu nhập khi nộp đơn cho năm thứ mười một để trở thành thành viên Court of the Table

- 3. **Top of the Table**

- Ứng viên phải tiếp tục nộp bằng chứng về doanh thu thông qua (các) thư xác nhận cho đến khi đạt được 10 năm là thành viên ở cấp cao hơn. Họ có thể tuyên bố đủ điều kiện mà không cần có thư xác nhận hoặc tài liệu thu nhập khi nộp đơn cho năm thứ mười một để trở thành thành viên Top of the Table

- 4. **Mẫu đơn đăng ký thành viên**

- Đơn đăng ký thành viên MDRT 2024 sẽ sẵn sàng vào ngày 1 tháng 11 năm 2023. Ứng viên có thể hoàn tất đăng ký trực tuyến hoặc tải mẫu đơn trên giấy tại mdrt.org. Cũng có thể yêu cầu mẫu đơn đăng ký trên giấy qua điện thoại, fax hoặc email tại memberrelations@mdrt.org.

- 5. **Thư xác nhận**

- Thư xác nhận **được ký bởi một cán bộ** của công ty mà người nộp đơn xin làm xác minh đủ điều kiện tham gia MDRT là yêu cầu bắt buộc khi nộp đơn theo phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm. Nếu không, đơn đăng ký sẽ được coi là không đầy đủ và bị từ chối tư cách thành viên. **Những công ty này có thể bao gồm** các công ty bảo hiểm nhân thọ, đại lý, công ty môi giới, nhà môi giới- đại lý, ngân hàng hoặc các công ty quỹ tương hỗ. Thư xác nhận được cấp bởi một đại diện của công ty/người môi giới/đại lý môi giới, Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan, công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn cũng được chấp nhận.
- Một Kế toán viên công chúng được cấp phép (CPA) hoặc cấp tương đương có thể ký thư xác nhận về phí hoạch định tài chính/phí tư vấn được trả trực tiếp cho người khai thác khi nộp đơn theo phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm.
- Công ty môi giới được định nghĩa là nhà bán sỉ bên thứ ba các sản phẩm bảo hiểm và đầu tư mà được cung cấp cho các đại lý thay mặt cho công ty bảo hiểm và đầu tư. Nếu người nộp đơn là cán bộ của một công ty môi giới, thì nhà cung cấp sản phẩm trả hoa hồng sẽ phải ký vào thư xác nhận trừ khi nộp đơn theo phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện.

- Thư xác nhận thu nhập được tự khai báo, có chữ ký của người nộp đơn. Nếu được lựa chọn để thực hiện kiểm toán xác minh doanh thu, cá nhân sẽ phải cung cấp tài liệu hỗ trợ để xác minh doanh thu đã đạt, chẳng hạn như:
 - Bản sao kê tiền hoa hồng
 - Bản kê khai thu nhập có chữ ký của đại diện của công ty/người môi giới/đại lý môi giới, Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan, công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn..
 - Hồ sơ thuế

- 6. **Thành viên danh dự**

Những cá nhân với ít nhất 15 năm là Thành viên đủ điều kiện (đủ điều kiện theo doanh thu) sẽ được trao danh hiệu "Thành viên danh dự".

IV. CÁC YÊU CẦU BỔ SUNG

- 1. **Lệ phí thành viên hàng năm: 600 USD**

- Lệ phí thành viên bắt buộc, đơn đăng ký đã hoàn tất và các mẫu quy định khác phải được đóng dấu bưu điện chậm nhất vào ngày 1 tháng 3 năm 2024. Đơn đăng ký được đóng dấu bưu điện sau ngày 1 tháng 3 sẽ chỉ được xem xét khi gửi kèm khoản phí bổ sung 200 USD.
- Thành viên có 50 năm thâm niên thành viên trở lên được miễn lệ phí thành viên MDRT. Tuy nhiên, họ phải thanh toán lệ phí thành viên Court of the Table hoặc Top of the Table.

- 2. **Lệ phí Court of the Table: 50 USD**

- Ngoài việc phải nộp lệ phí MDRT thông thường, ứng viên Court of the Table phải nộp các khoản lệ phí Court of the Table bắt buộc.

- 3. **Lệ phí Top of the Table: 550 USD**

- Ngoài việc phải nộp lệ phí MDRT thông thường, ứng viên Top of the Table phải nộp các khoản lệ phí Top of the Table bắt buộc. Lệ phí thành viên Top of the Table bao gồm lệ phí thành viên Court of the Table.

- 4. **Lệ phí Trọn đời, Lệ phí được Giảm: 200 USD**

- Thành viên trọn đời đáp ứng **tất cả bốn tiêu chí** dưới đây đủ điều kiện được giảm lệ phí thành viên.
 - **Thành viên Trọn đời hoặc Thành viên Đủ điều kiện Trọn đời, và**
 - Nộp đơn làm Thành viên trọn đời, **và**
 - đủ 65 tuổi vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và
 - đã có 25 năm là thành viên **HOẶC** 20 năm là thành viên đáp ứng yêu cầu về doanh thu

Hiện đã có các tùy chọn thanh toán trực tuyến. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo Đơn đăng ký thành viên năm 2024.

- 5. **Miễn trừ đối với người tàn tật**

- Thành viên trọn đời được tuyên bố bị tàn tật toàn bộ trong sáu tháng liên tiếp trong năm 2023 có thể nộp đơn xin miễn lệ phí thành viên năm 2024. Mẫu đơn yêu cầu dành cho người bị tàn tật và chứng nhận của bác sĩ phải được nộp không muộn hơn ngày 1 tháng 3 năm 2024 kèm theo đơn đăng ký thành viên. Mỗi đơn sẽ được đánh giá dựa trên bản thân thành viên.

6. Các phương án dành cho Cựu thành viên Trộn đời

- Có hai lựa chọn dành cho Cựu Thành viên Trộn đời và Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời muốn quay lại tham gia:
- **Lựa chọn Một:** Họ có thể chọn không nộp bổ sung lệ phí trong những năm không tham gia và nộp mức doanh thu tối thiểu hiện tại và lệ phí thành viên hiện tại kèm theo đơn đăng ký. Trạng thái thành viên của họ sẽ trở lại Đủ điều kiện và họ phải hoàn thành lại các yêu cầu để đạt được trạng thái Thành viên trộn đời hoặc Thành viên đủ điều kiện trộn đời, bao gồm tích lũy thêm 9 năm là Thành viên Đủ điều kiện.
- **Phương án Hai:** Họ có thể duy trì tư cách Thành viên Trộn đời hoặc Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời bằng cách đóng bổ sung lệ phí thành viên cho số năm họ không là thành viên, không quá 5 năm, và bằng cách đáp ứng các yêu cầu hiện tại đối với Thành viên trộn đời. Số năm tối đa được yêu cầu đóng lại lệ phí thành viên sẽ được giảm xuống còn ba năm nếu thành viên nộp đơn đạt được doanh thu đủ điều kiện cho năm hiện tại. Số tiền đóng lại lệ phí thành viên sẽ được tính dựa trên khoản phí hiện hành tại thời điểm khôi phục tư cách thành viên. *Vui lòng lưu ý rằng: Việc thanh toán lệ phí thành viên khi quay lại không nhận được tín dụng cho (những) năm không là thành viên*

V. LÀM RÕ

1. Hoa hồng đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu (đối với hoa hồng) sẽ dựa trên khoản hoa hồng đủ điều kiện nhận được trong năm 2023. Tín dụng có thể bao gồm tiền hoa hồng kiếm được hoặc trả trước (gọi tắt là "hàng năm") hoặc cả hai. Tiền hoa hồng trả trước (hàng năm) hoặc kiếm được phải được trả cho ứng viên trong năm 2023 để đủ điều kiện tính tín dụng MDRT. Vui lòng lưu ý rằng:

- Bạn có thể báo cáo các khoản hoa hồng được thanh toán trên cơ sở phân mức bằng cách áp dụng giá trị hiện tại của khoản hoa hồng trong tối đa năm năm đầu tiên khấu trừ 10% mỗi năm, và không vượt quá 55% phí bảo hiểm năm đầu tiên.
- Hoa hồng hàng năm có thể được báo cáo để tính tín dụng nếu được thanh toán, nhưng việc bồi hoàn tiền hoa hồng hàng năm ở năm doanh thu tiếp theo sẽ làm giảm tín dụng doanh thu của năm đó.
- Nếu hoa hồng đã trả được tính như tiền thu được, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2022 có thể biến thành tín dụng doanh thu cho năm 2023. Hợp đồng bảo hiểm phải có hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 nhưng không bắt buộc phải có hiệu lực tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Khoản tín dụng hoa hồng hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ hưu (bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.) vốn xác định xem khoản hoa hồng đó nhận được tín dụng Bảo hiểm Rủi ro hay là tín dụng Sản phẩm Khác.
- Các khoản hoa hồng là một phần của chương trình tiền thù lao trả chậm có thể được kê khai trước để tính tín dụng MDRT, với điều kiện là các khoản này sẽ không được kê khai lại trong những năm sau đó.
- Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng hoa hồng năm đầu tiên có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro đối với khoản hoa hồng được trả cho số tiền lên đến mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu vượt quá mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu, (đôi khi được gọi là "phụ trội"), tín dụng hoa hồng có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro đối với khoản hoa hồng được trả cho số tiền vượt quá phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
- Khoản hoa hồng phụ trội, trợ cấp đào tạo, gói chuyển đổi, tiền thưởng cho đào tạo hoặc ký hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp bán hàng hoặc chi phí khác không đủ tiêu chuẩn theo phương thức định mức hoa hồng/phí bảo hiểm.

- Phí trả cho việc sắp xếp bán một sản phẩm đủ điều kiện tính là tín dụng hoa hồng, cũng như khoản phí quản lý tài sản đối với các quỹ tương hỗ và tài khoản quản lý/tài khoản quản lý tài sản vậy. Loại sản phẩm được bán ra xác định loại tín dụng mà sản phẩm nhận được (Bảo hiểm Rủi ro hoặc Khác).
- Phí hoạch định Tài chính/Phí Tư vấn đủ điều kiện tính tín dụng Sản phẩm Khác đối với khoản phí ròng được trả cho đại lý/cố vấn. Các khoản phí phải được chứng minh bằng thư xác nhận có chữ ký của một cán bộ công ty, một cán bộ đại lý môi giới, hoặc một Kế toán viên Công chúng được Cấp phép (hoặc tương đương) cho thành viên đủ điều kiện.
- Các khoản hoa hồng bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Việc bổ sung vào hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
- Các khoản phí bảo hiểm đơn và/hoặc hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Các khoản hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.

2. Phí bảo hiểm đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu (đối với phí bảo hiểm) sẽ dựa trên phí bảo hiểm đủ điều kiện được chi trả hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2023. Vui lòng lưu ý rằng:

- Nếu các khoản hoa hồng đã thanh toán được tính thành tiền kiếm được, tín dụng phí bảo hiểm sẽ chỉ được tính cho số tiền phí bảo hiểm thực nhận trong năm doanh thu.
- Nếu các khoản hoa hồng được tính hàng năm, tín dụng bảo hiểm cũng phải được tính theo năm. Bất kỳ khoản bồi hoàn nào của tiền hoa hồng tính hàng năm sẽ dẫn đến tín dụng phí bảo hiểm cũng phải giảm đi trong năm đó.
- Một hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2022 có thể dẫn tới tín dụng doanh thu cho số tiền phí bảo hiểm được thanh toán hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2023.
- Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên có thể được tính vào danh mục Bảo hiểm Rủi ro cho số tiền tối đa bằng phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu bị vượt, (đôi khi được gọi là "phụ trội"), tín dụng phí bảo hiểm có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro cho 6% số tiền vượt quá phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
- Phí hoạch định Tài chính/Phí Tư vấn đủ điều kiện tính tín dụng Sản phẩm Khác đối với tổng số phí được trả cho công ty, đại lý môi giới hoặc đại lý/cố vấn cá nhân. Các khoản phí phải được chứng minh bằng thư xác nhận có chữ ký của một cán bộ công ty, một cán bộ đại lý môi giới, hoặc một Kế toán viên Công chúng được Cấp phép (hoặc tương đương) cho thành viên đủ điều kiện.
- Phí bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện tính tín dụng trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Việc bổ sung vào hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
- Phí bảo hiểm đơn và/hoặc phí bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 6% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên.

- Phí bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện được tính 100% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Khoản tín dụng phí bảo hiểm hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ hưu (bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.) vốn xác định xem tín dụng này là tín dụng Bảo hiểm Rủi ro hay là tín dụng Sản phẩm Khác.

3. Thu nhập Đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu được dựa trên tổng thu nhập hàng năm được trả trong năm 2023. Vui lòng lưu ý rằng:

- Xem bảng tại trang 4 để biết các sản phẩm đủ điều kiện.
- Theo mô hình này, thu nhập được định nghĩa là hoa hồng đầu tư và gia hạn năm đầu tiên, cũng như các khoản phí cho việc bán sản phẩm, phí quản lý tài sản và phí tư vấn.
- Các khoản tiền thù lao dựa trên doanh thu khác, chẳng hạn như tiền lương và tiền thưởng dựa trên doanh thu, cũng đủ điều kiện tính tín dụng.
- Thu nhập được đóng góp trong kế hoạch tiền lương giữ lại đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng cần được tính trong năm doanh thu khi nhận được thu nhập giữ lại.
- Khoản hoa hồng phụ trội chỉ đủ điều kiện tính doanh thu cá nhân.

Thu nhập được coi là **KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN** tính tín dụng MDRT bao gồm:

- Tiền thưởng/trợ cấp đào tạo
- Phụ cấp bán hàng/chi phí
- Tiền thưởng khi ký hợp đồng lao động hoặc gói chuyển đổi
- Phụ trội bắt nguồn từ doanh thu của người khác.
- Thù lao không bằng tiền mặt, ví dụ như các chuyến đi khuyến khích
- Thu nhập từ bảo hiểm tài sản và tai nạn và bảo hiểm phi nhân thọ (cháy nổ, nhà, xe, v.v.)
- Thu nhập từ việc bán các khoản thế chấp
- Quyết toán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
- Tài khoản thị trường tiền tệ

4. Tín dụng cho Bảo hiểm bảo đảm cho Ứng viên, Vợ (chồng) hoặc Người phụ thuộc

- Bất kỳ hoạt động kinh doanh nào bảo đảm cho ứng viên, vợ (chồng) hoặc người phụ thuộc của ứng viên không được vượt quá **mức tối đa 5%** của yêu cầu doanh thu MDRT của năm hiện tại (3.700 USD đối với tiền hoa hồng đủ điều kiện hoặc 7.400 USD đối với phí bảo hiểm đủ điều kiện hoặc 6.400 USD đối với thu nhập đủ điều kiện) nếu bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào được trả, trực tiếp hay gián tiếp bởi ứng viên hoặc vợ (chồng) của ứng viên.

Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với:

**Million Dollar Round Table
Member Relations Department**
325 West Touhy Avenue
Park Ridge, IL 60068 USA
Điện thoại: +1 847.692.6378
Fax: +1 847.518.8921
Trang web: mdrt.org
Email: memberrelations@mdrt.org

5. Thay thế

- Khoản tín dụng cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân chỉ có thể được kê khai cho số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên của hợp đồng mới có số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên vượt quá con số của hợp đồng bảo hiểm bị thay thế. Nếu không biết số tiền là bao nhiêu, thì số tiền hoa hồng được thay thế sẽ được tính bằng cách nhân tiền hoa hồng hiện tại với mức phí bảo hiểm thích hợp cho hợp đồng được thay thế. Khoản tín dụng phí bảo hiểm có thể được xác định bằng cách lấy phí bảo hiểm của hợp đồng mới trừ đi phí bảo hiểm của hợp đồng được thay thế.
- Việc chuyển một sản phẩm trọn đời sang một sản phẩm trọn đời sẽ được coi là một sự thay thế đối với MDRT. Điều này chỉ áp dụng cho việc thay thế các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân.

6. Định nghĩa Và Diễn giải

- **Hoạt động kinh doanh được Trả cho và được Bảo đảm**
Hoạt động kinh doanh cần tính tín dụng sẽ được thanh toán trong giai đoạn đủ điều kiện MDRT (từ ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12). Hoạt động kinh doanh sẽ được coi là đã được thanh toán kể từ ngày bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực đầy đủ với sự chấp thuận của văn phòng chính dưới góc độ thanh toán yêu cầu bồi thường (bất kể thông lệ của công ty hoặc khoảng cách giữa văn phòng chính và văn phòng con). Tuy nhiên, không được phép tính tín dụng cho đến khi văn phòng chính cuối cùng đã chấp nhận phí bảo hiểm và cho đến khi hoa hồng năm đầu tiên được trả hoặc ghi có vào tài khoản của đại lý mà công ty bảo hiểm không có quyền thu hồi cùng một khoản tiền đó, trừ trường hợp thu hồi theo các điều khoản có thể gây tranh cãi của hợp đồng. Đối với hoạt động liên doanh, liên kết, doanh nghiệp và/hoặc môi giới, tín dụng MDRT chỉ được tính cho phân hoạt động kinh doanh mà ứng viên được trả thù lao, là hoa hồng năm đầu tiên hoặc tương đương.
- **Bảo hiểm y tế**
Bao gồm các hợp đồng trả cho hoặc được hoàn tiền cho chi phí y tế gồm tiền nằm viện, chăm sóc cấp cứu, chăm sóc bệnh nhân ngoại trú, chẩn đoán và điều trị, chăm sóc thai sản, cũng như các hợp đồng liên quan đến nha khoa, thị lực và thính giác. Bệnh Hiếm nghèo và chăm sóc Dài hạn không được coi là Bảo hiểm y tế và những hạng mục này đã được tín dụng MDRT xử lý riêng biệt. Xem trang 4 để biết chi tiết.
- **Cách đếm hợp đồng**
Hợp đồng bảo hiểm được định nghĩa là một hợp đồng riêng lẻ liên quan đến một hoặc nhiều người. Một hợp đồng bảo hiểm cho một cá nhân cần được tính tín dụng và báo cáo với MDRT là một hợp đồng. Tương tự, một hợp đồng bảo hiểm cho một nhóm người cũng cần được đếm là một hợp đồng, bất kể số lượng người được bảo hiểm theo hợp đồng đó.
- **Yêu cầu về Hiệu lực**
Hoạt động kinh doanh được tính tín dụng chỉ bao gồm các hoạt động kinh doanh chưa chấm dứt vào hoặc trước ngày cuối cùng của thời hạn đủ điều kiện tham gia MDRT (ngày 31 tháng 12) trừ trường hợp hoạt động kinh doanh bị chấm dứt do từ vong hoặc chuyển đổi thời hạn.
- **Chứng khoán**
Bao gồm cổ phiếu, trái phiếu hoặc các loại vốn chủ sở hữu khác. Xem trang 4 để biết chi tiết.

VI. MINH HỌA

Làm rõ về tín dụng Bảo hiểm Rủi ro và Tín dụng Sản phẩm Khác

- Ít nhất một nửa (50% trăm) yêu cầu về doanh thu phải bắt nguồn từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro. (Xem phần I, 4)
- Đây là ngưỡng phải vượt qua trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ tín dụng nào từ danh mục Sản phẩm khác.
- Khi vượt ngưỡng, ứng viên có thể sử dụng tất cả các khoản tín dụng từ Sản phẩm Khác để đáp ứng yêu cầu MDRT.
- Yêu cầu đối với tiền hoa hồng năm 2024 là 74.000 USD. Để đủ điều kiện, ứng viên phải nộp chứng nhận đạt được tiền hoa hồng tối thiểu là 37.000 USD bắt nguồn từ các sản phẩm được nêu trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.

Ví dụ 1 - Đủ điều kiện là thành viên MDRT

Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	37.000
Tổng số tiền từ các Sản phẩm khác của ứng viên	<u>100.000</u>
Tổng số tín dụng hoa hồng MDRT	137.000

Ví dụ 2 - KHÔNG đủ điều kiện là thành viên MDRT

Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	36.999
Tổng số tiền từ các Sản phẩm khác của ứng viên	<u>100.000</u>
Tổng số tín dụng hoa hồng MDRT	36.999

Vui lòng lưu ý rằng:

Ngưỡng 50% được áp dụng bất kể tiền hoa hồng hay phí bảo hiểm được sử dụng để đủ điều kiện để gia nhập thành viên.

Làm rõ về thu nhập đủ điều kiện

- Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 128.000 USD.
- Tối thiểu 37.000 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới được tạo ra trong năm doanh thu. Hơn nữa, tối thiểu 37.000 USD phải bắt nguồn từ thu nhập liên quan đến các sản phẩm trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Có thể cùng một hoạt động kinh doanh, ví dụ như bán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mới, có thể đáp ứng cả hai yêu cầu. (Xem Ví dụ 2 dưới đây.)

ĐỦ ĐIỀU KIỆN là thành viên MDRT

Ví dụ 1

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	128.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của ứng viên	37.000
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	37.000

Ví dụ 2

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	128.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của Sản phẩm Bảo hiểm Rủi ro *	37.000

* Đáp ứng cả yêu cầu tối thiểu về số tiền từ hoạt động kinh doanh mới và từ sản phẩm bảo hiểm rủi ro.

KHÔNG đủ điều kiện là thành viên MDRT

Ví dụ 3

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	128.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của ứng viên	36.999
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	37.000

Ví dụ 4

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	128.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của ứng viên	37.000
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	36.999

Hội nghị Thường niên MDRT*

9–12 tháng 6 năm 2024
Vancouver, British Columbia, Canada

Hội nghị Toàn cầu MDRT*

Ngày 27–30 tháng 8 năm 2024
Dubai, UAE

Hội nghị Thường niên Top of the Table**

25–28 tháng 9 năm 2024
Waimea, Hawaii, USA

Hội nghị EDGE MDRT***

Ngày 4–6 tháng 11 năm 2024
Atlanta, Georgia, Hoa Kỳ

**Việc tham dự Hội nghị Thường niên MDRT và Hội nghị Toàn cầu MDRT được áp dụng với thành viên 2024 đã được phê duyệt và được yêu cầu thanh toán phí tham dự riêng biệt.*

***Việc tham dự Hội nghị Thường niên Top of the Table được áp dụng với thành viên TOT 2024 đã được phê duyệt và được yêu cầu thanh toán phí tham dự riêng biệt.*

****Hội nghị EDGE MDRT dành cho Thành viên năm 2024 đã được phê duyệt đến từ Hoa Kỳ và Canada và phí tham dự phải được thanh toán riêng biệt.*

Truy cập mdrt.org hoặc liên hệ MDRT tại +1 847.692.6378 hoặc email về meetings@mdrt.org để biết thông tin về hội nghị và cơ hội tài trợ.

**YÊU CẦU DOANH THU HOA HỒNG VÀ PHÍ BẢO HIỂM ĐỐI VỚI TƯ CÁCH
THÀNH VIÊN MILLION DOLLAR ROUND TABLE NĂM 2024**

Dựa trên Doanh thu năm 2023, tính bằng nội tệ.

Tín dụng doanh thu phải được báo cáo bằng đô la Mỹ trên các Thư xác nhận

(Nội tệ chia cho hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa = Yêu cầu của MDRT bằng đồng đô la Mỹ)

Các yêu cầu về doanh thu được lập riêng cho từng thị trường. Các hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa không liên quan với tỷ giá tiền tệ và chỉ được sử dụng để chuẩn hóa xử lý MDRT.

Để xem danh sách đầy đủ các yêu cầu theo Thị trường, vui lòng truy cập trang web của MDRT tại địa chỉ mdrt.org/join/member-requirements/.

Thị trường	Hoa hồng MDRT	Hoa hồng COT	Hoa hồng TOT	Hệ số Chuyển đổi hoa hồng	Phí bảo hiểm MDRT	Phí bảo hiểm COT	Phí bảo hiểm TOT	Hệ số chuyển đổi Phí bảo hiểm
Angola	43,800	131,400	262,800	0.5918	87,600	262,800	525,600	0.5918
Anguilla	84,800	254,400	508,800	1.1459	169,600	508,800	1,017,600	1.1459
Antigua	132,900	398,700	797,400	1.7959	265,800	797,400	1,594,800	1.7959
Argentina	280,000	840,000	1,680,000	3.7837	560,000	1,680,000	3,360,000	3.7837
Armenia	11,540,900	34,622,700	69,245,400	155.9581	23,081,800	69,245,400	138,490,800	155.9581
Aruba	88,700	266,100	532,200	1.1986	177,400	532,200	1,064,400	1.1986
Australia	107,700	323,100	646,200	1.4554	215,400	646,200	1,292,400	1.4554
Azerbaijan	23,100	69,300	138,600	0.3121	46,200	138,600	277,200	0.3121
Bahamas	63,300	189,900	379,800	0.8554	126,600	379,800	759,600	0.8554
Bahrain	14,300	42,900	85,800	0.1932	28,600	85,800	171,600	0.1932
Bangladesh	1,943,000	5,829,000	11,658,000	26.2567	3,886,000	11,658,000	23,316,000	26.2567
Barbados	110,100	330,300	660,600	1.4878	220,200	660,600	1,321,200	1.4878
Belarus	87,534,300	262,602,900	525,205,800	1,182.8959	175,068,600	525,205,800	1,050,411,600	1,182.8959
Belgium	55,600	166,800	333,600	0.7513	111,200	333,600	667,200	0.7513
Belize	79,600	238,800	477,600	1.0756	159,200	477,600	955,200	1.0756
Bermuda	104,800	314,400	628,800	1.4162	209,600	628,800	1,257,600	1.4162
Bolivia	195,600	586,800	1,173,600	2.6432	391,200	1,173,600	2,347,200	2.6432
Bosnia-Herzegovina	50,000	150,000	300,000	0.6756	100,000	300,000	600,000	0.6756
Botswana	250,500	751,500	1,503,000	3.3851	501,000	1,503,000	3,006,000	3.3851
Brazil	166,400	499,200	998,400	2.2486	499,200	1,497,600	2,995,200	3.3729
British Virgin Islands	75,200	225,600	451,200	1.0162	150,400	451,200	902,400	1.0162
Brunei	46,200	138,600	277,200	0.6243	138,600	415,800	831,600	0.9364
Bulgaria	51,900	155,700	311,400	0.7013	103,800	311,400	622,800	0.7013
Cambodia	76,011,700	228,035,100	456,070,200	1,027.1851	304,046,800	912,140,400	1,824,280,800	2,054.3702
Cameroon	16,915,600	50,746,800	101,493,600	228.5891	33,831,200	101,493,600	202,987,200	228.5891
Canada	91,000	273,000	546,000	1.2297	182,000	546,000	1,092,000	1.2297
Cayman Islands	61,300	183,900	367,800	0.8283	122,600	367,800	735,600	0.8283
Channel Islands	51,500	154,500	309,000	0.6959	103,000	309,000	618,000	0.6959
Chile	29,259,100	87,777,300	175,554,600	395.3932	58,518,200	175,554,600	351,109,200	395.3932
China	218,400	655,200	1,310,400	2.9513	655,200	1,965,600	3,931,200	4.4270
Colombia	79,657,900	238,973,700	477,947,400	1,076.4581	159,315,800	477,947,400	955,894,800	1,076.4581
Costa Rica	24,273,100	72,819,300	145,638,600	328.0148	48,546,200	145,638,600	291,277,200	328.0148
Côte d'Ivoire	18,036,400	54,109,200	108,218,400	243.7351	36,072,800	108,218,400	216,436,800	243.7351
Croatia	242,800	728,400	1,456,800	3.2810	485,600	1,456,800	2,913,600	3.2810
Curacao	66,900	200,700	401,400	0.9040	133,800	401,400	802,800	0.9040
Cyprus	37,200	111,600	223,200	0.5027	74,400	223,200	446,400	0.5027
Czech Republic	938,000	2,814,000	5,628,000	12.6756	1,876,000	5,628,000	11,256,000	12.6756
Denmark	493,800	1,481,400	2,962,800	6.6729	987,600	2,962,800	5,925,600	6.6729
Dominica	118,300	354,900	709,800	1.5986	236,600	709,800	1,419,600	1.5986
Dominican Republic	1,227,300	3,681,900	7,363,800	16.5851	2,454,600	7,363,800	14,727,600	16.5851
Ecuador	38,300	114,900	229,800	0.5175	76,600	229,800	459,600	0.5175
Egypt	153,800	461,400	922,800	2.0783	461,400	1,384,200	2,768,400	3.1175
El Salvador	33,600	100,800	201,600	0.4540	67,200	201,600	403,200	0.4540
Estonia	40,300	120,900	241,800	0.5445	80,600	241,800	483,600	0.5445
Fiji	60,800	182,400	364,800	0.8216	121,600	364,800	729,600	0.8216
France	54,100	162,300	324,600	0.7310	108,200	324,600	649,200	0.7310
Georgia	62,700	188,100	376,200	0.8472	125,400	376,200	752,400	0.8472
Germany	55,000	165,000	330,000	0.7432	110,000	330,000	660,000	0.7432
Ghana	75,700	227,100	454,200	1.0229	151,400	454,200	908,400	1.0229
Gibraltar	48,500	145,500	291,000	0.6554	97,000	291,000	582,000	0.6554
Greece	41,000	123,000	246,000	0.5540	82,000	246,000	492,000	0.5540
Grenada	121,100	363,300	726,600	1.6364	242,200	726,600	1,453,200	1.6364
Guatemala	293,600	880,800	1,761,600	3.9675	587,200	1,761,600	3,523,200	3.9675
Guyana	6,618,100	19,854,300	39,708,600	89.4337	13,236,200	39,708,600	79,417,200	89.4337
Honduras	787,100	2,361,300	4,722,600	10.6364	1,574,200	4,722,600	9,445,200	10.6364
Hong Kong, China	444,400	1,333,200	2,666,400	6.0054	1,777,600	5,332,800	10,665,600	12.0108
Hungary	10,620,400	31,861,200	63,722,400	143.5189	21,240,800	63,722,400	127,444,800	143.5189
India	875,500	2,626,500	5,253,000	11.8310	3,502,000	10,506,000	21,012,000	23.6621
Indonesia	288,163,600	864,490,800	1,728,981,600	3,894.1027	576,327,200	1,728,981,600	3,457,963,200	3,894.1027

Thị trường	Hoa hồng MDRT	Hoa hồng COT	Hoa hồng TOT	Hệ số Chuyển đổi hoa hồng	Phí bảo hiểm MDRT	Phí bảo hiểm COT	Phí bảo hiểm TOT	Hệ số chuyển đổi Phí bảo hiểm
Ireland	59,600	178,800	357,600	0.8054	119,200	357,600	715,200	0.8054
Isle of Man	50,700	152,100	304,200	0.6851	101,400	304,200	608,400	0.6851
Israel	278,400	835,200	1,670,400	3.7621	556,800	1,670,400	3,340,800	3.7621
Italy	49,200	147,600	295,200	0.6648	98,400	295,200	590,400	0.6648
Jamaica West Indies	3,857,500	11,572,500	23,145,000	52.1283	7,715,000	23,145,000	46,290,000	52.1283
Japan	7,547,000	22,641,000	45,282,000	101.9864	22,641,000	67,923,000	135,846,000	152.9797
Jordan	21,500	64,500	129,000	0.2905	43,000	129,000	258,000	0.2905
Kazakhstan	5,939,200	17,817,600	35,635,200	80.2594	11,878,400	35,635,200	71,270,400	80.2594
Kenya	3,097,300	9,291,900	18,583,800	41.8554	6,194,600	18,583,800	37,167,600	41.8554
Kuwait	14,700	44,100	88,200	0.1986	29,400	88,200	176,400	0.1986
Laos	206,132,800	618,398,400	1,236,796,800	2,785.5783	412,265,600	1,236,796,800	2,473,593,600	2,785.5783
Latvia	32,200	96,600	193,200	0.4351	64,400	193,200	386,400	0.4351
Lebanon	61,828,800	185,486,400	370,972,800	835.5243	123,657,600	370,972,800	741,945,600	835.5243
Lithuania	33,600	100,800	201,600	0.4540	67,200	201,600	403,200	0.4540
Luxembourg	63,600	190,800	381,600	0.8594	127,200	381,600	763,200	0.8594
Macau, China	330,200	990,600	1,981,200	4.4621	1,320,800	3,962,400	7,924,800	8.9243
Macedonia	1,409,300	4,227,900	8,455,800	19.0445	2,818,600	8,455,800	16,911,600	19.0445
Malaysia	117,300	351,900	703,800	1.5851	351,900	1,055,700	2,111,400	2.3777
Malta	22,100	66,300	132,600	0.2986	44,200	132,600	265,200	0.2986
Mauritius	1,222,300	3,666,900	7,333,800	16.5175	2,444,600	7,333,800	14,667,600	16.5175
Mexico	660,900	1,982,700	3,965,400	8.9310	1,321,800	3,965,400	7,930,800	8.9310
Montenegro	5,300	15,900	31,800	0.0716	10,600	31,800	63,600	0.0716
Montserrat	60,000	180,000	360,000	0.8108	120,000	360,000	720,000	0.8108
Mozambique	1,549,000	4,647,000	9,294,000	20.9324	3,098,000	9,294,000	18,588,000	20.9324
Myanmar	24,952,800	74,858,400	149,716,800	337.2000	49,905,600	149,716,800	299,433,600	337.2000
Namibia	404,800	1,214,400	2,428,800	5.4702	809,600	2,428,800	4,857,600	5.4702
Nepal	1,390,500	4,171,500	8,343,000	18.7905	4,171,500	12,514,500	25,029,000	28.1858
Netherlands	57,700	173,100	346,200	0.7797	115,400	346,200	692,400	0.7797
New Zealand	105,800	317,400	634,800	1.4297	211,600	634,800	1,269,600	1.4297
Nicaragua	833,600	2,500,800	5,001,600	11.2648	1,667,200	5,001,600	10,003,200	11.2648
Nigeria	5,759,100	17,277,300	34,554,600	77.8256	11,518,200	34,554,600	69,109,200	77.8256
Norway	729,100	2,187,300	4,374,600	9.8527	1,458,200	4,374,600	8,749,200	9.8527
Oman	13,300	39,900	79,800	0.1797	26,600	79,800	159,600	0.1797
Pakistan	1,776,100	5,328,300	10,656,600	24.0013	3,552,200	10,656,600	21,313,200	24.0013
Panama	34,700	104,100	208,200	0.4689	69,400	208,200	416,400	0.4689
Peru	120,100	360,300	720,600	1.6229	240,200	720,600	1,441,200	1.6229
Philippines	1,265,300	3,795,900	7,591,800	17.0986	2,530,600	7,591,800	15,183,600	17.0986
Poland	132,400	397,200	794,400	1.7891	264,800	794,400	1,588,800	1.7891
Portugal	42,300	126,900	253,800	0.5716	126,900	380,700	761,400	0.8574
Qatar	168,300	504,900	1,009,800	2.2743	336,600	1,009,800	2,019,600	2.2743
Republic of Korea	62,571,700	187,715,100	375,430,200	845.5635	156,429,250	469,287,750	938,575,500	1,056.9543
Romania	127,000	381,000	762,000	1.7162	254,000	762,000	1,524,000	1.7162
Saudi Arabia	147,300	441,900	883,800	1.9905	294,600	883,800	1,767,600	1.9905
Serbia	2,838,000	8,514,000	17,028,000	38.3513	5,676,000	17,028,000	34,056,000	38.3513
Singapore	72,400	217,200	434,400	0.9783	217,200	651,600	1,303,200	1.4675
Slovakia	39,600	118,800	237,600	0.5351	79,200	237,600	475,200	0.5351
Slovenia	41,900	125,700	251,400	0.5662	83,800	251,400	502,800	0.5662
South Africa	280,900	842,700	1,685,400	3.7959	561,800	1,685,400	3,370,800	3.7959
Spain	46,500	139,500	279,000	0.6283	93,000	279,000	558,000	0.6283
Sri Lanka	2,673,400	8,020,200	16,040,400	36.1270	5,346,800	16,040,400	32,080,800	36.1270
St. Kitts and Nevis	125,500	376,500	753,000	1.6959	251,000	753,000	1,506,000	1.6959
St. Lucia	140,200	420,600	841,200	1.8945	280,400	841,200	1,682,400	1.8945
St. Maarten	69,900	209,700	419,400	0.9445	139,800	419,400	838,800	0.9445
St. Vincent	116,100	348,300	696,600	1.5689	232,200	696,600	1,393,200	1.5689
Suriname	236,700	710,100	1,420,200	3.1986	473,400	1,420,200	2,840,400	3.1986
Sweden	652,500	1,957,500	3,915,000	8.8175	1,305,000	3,915,000	7,830,000	8.8175
Switzerland	84,400	253,200	506,400	1.1405	168,800	506,400	1,012,800	1.1405
Taiwan Area	1,357,500	4,072,500	8,145,000	18.3445	2,715,000	8,145,000	16,290,000	18.3445
Tanzania	54,884,300	164,652,900	329,305,800	741.6797	109,768,600	329,305,800	658,611,600	741.6797
Thailand	912,100	2,736,300	5,472,600	12.3256	1,824,200	5,472,600	10,945,200	12.3256
Togo	17,383,800	52,151,400	104,302,800	234.9162	34,767,600	104,302,800	208,605,600	234.9162
Tonga	120,100	360,300	720,600	1.6229	240,200	720,600	1,441,200	1.6229
Trinidad & Tobago	294,000	882,000	1,764,000	3.9729	588,000	1,764,000	3,528,000	3.9729
Turkey	205,800	617,400	1,234,800	2.7810	823,200	2,469,600	4,939,200	5.5621
Turks & Caicos	76,500	229,500	459,000	1.0337	153,000	459,000	918,000	1.0337
Uganda	97,251,200	291,753,600	583,507,200	1,314.2054	194,502,400	583,507,200	1,167,014,400	1,314.2054

Thị trường	Hoa hồng MDRT	Hoa hồng COT	Hoa hồng TOT	Hệ số Chuyển đổi hoa hồng	Phí bảo hiểm MDRT	Phí bảo hiểm COT	Phí bảo hiểm TOT	Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm
Ukraine	267,300	801,900	1,603,800	3.6121	534,600	1,603,800	3,207,600	3.6121
United Arab Emirates	175,000	525,000	1,050,000	2.3648	350,000	1,050,000	2,100,000	2.3648
United Kingdom	50,900	152,700	305,400	0.6878	101,800	305,400	610,800	0.6878
United States	74,000	222,000	444,000	1.0000	148,000	444,000	888,000	1.0000
Uruguay	1,193,000	3,579,000	7,158,000	16.1216	2,386,000	7,158,000	14,316,000	16.1216
Venezuela	549,000	1,647,000	3,294,000	7.4189	1,098,000	3,294,000	6,588,000	7.4189
Vietnam	360,813,300	1,082,439,900	2,164,879,800	4,875.8554	721,626,600	2,164,879,800	4,329,759,600	4,875.8554
Zambia	225,200	675,600	1,351,200	3.0432	450,400	1,351,200	2,702,400	3.0432
Zimbabwe	1,001,600	3,004,800	6,009,600	13.5351	2,003,200	6,009,600	12,019,200	13.5351

**YÊU CẦU DOANH THU TỪ THU NHẬP ĐỐI VỚI TƯ CÁCH THÀNH VIÊN
MILLION DOLLAR ROUND TABLE NĂM 2024**

Dựa trên Doanh thu năm 2023, tính bằng nội tệ.

Tín dụng doanh thu phải được báo cáo bằng đô la Mỹ trên các Thư xác nhận

Các yêu cầu về doanh thu được lập riêng cho từng thị trường. Các hệ số chuyển đổi (Conv) không có mối quan hệ với tỷ giá tiền tệ và chỉ được sử dụng để chuẩn hóa xử lý MDRT. (Đồng tiền nội tệ được chia theo [hệ số] chuyển đổi thu nhập = yêu cầu của MDRT bằng đô la Mỹ) Tiêu chuẩn theo phương thức này dựa trên yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 128.000 USD. Tối thiểu 37.000 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới và 37.000 USD từ sản phẩm bảo hiểm rủi ro. Để xem danh sách đầy đủ các yêu cầu theo Thị trường, vui lòng truy cập trang web của MDRT tại địa chỉ mdrt.org/join/member-requirements/.

Thị trường	Thu nhập MDRT	Thu nhập COT	Thu nhập TOT	Hệ số Chuyển đổi thu nhập
Angola	75,900	227,700	455,400	0.5929
Anguilla	146,800	440,400	880,800	1.1468
Antigua	230,200	690,600	1,381,200	1.7984
Argentina	484,900	1,454,700	2,909,400	3.7882
Armenia	19,988,400	59,965,200	119,930,400	156.1593
Aruba	153,700	461,100	922,200	1.2007
Australia	186,500	559,500	1,119,000	1.4570
Azerbaijan	40,000	120,000	240,000	0.3125
Bahamas	109,600	328,800	657,600	0.8562
Bahrain	24,800	74,400	148,800	0.1937
Bangladesh	3,365,200	10,095,600	20,191,200	26.2906
Barbados	190,700	572,100	1,144,200	1.4898
Belarus	151,605,800	454,817,400	909,634,800	1,184.4203
Belgium	96,300	288,900	577,800	0.7523
Belize	137,800	413,400	826,800	1.0765
Bermuda	181,500	544,500	1,089,000	1.4179
Bolivia	338,700	1,016,100	2,032,200	2.6460
Bosnia-Herzegovina	86,700	260,100	520,200	0.6773
Botswana	433,800	1,301,400	2,602,800	3.3890
Brazil	288,200	864,600	1,729,200	2.2515
British Virgin Islands	130,300	390,900	781,800	1.0179
Brunei	80,100	240,300	480,600	0.6257
Bulgaria	89,900	269,700	539,400	0.7023
Cambodia	131,649,100	394,947,300	789,894,600	1,028.5085
Cameroon	29,295,300	87,885,900	175,771,800	228.8695
Canada	157,600	472,800	945,600	1.2312
Cayman Islands	106,200	318,600	637,200	0.8296
Channel Islands	89,200	267,600	535,200	0.6968
Chile	50,675,500	152,026,500	304,053,000	395.9023
China	378,300	1,134,900	2,269,800	2.9554
Colombia	137,964,200	413,892,600	827,785,200	1,077.8453
Costa Rica	42,040,000	126,120,000	252,240,000	328.4375
Côte d'Ivoire	31,238,300	93,714,900	187,429,800	244.0492
Croatia	420,500	1,261,500	2,523,000	3.2851
Curacao	115,800	347,400	694,800	0.9046
Cyprus	64,400	193,200	386,400	0.5031
Czech Republic	1,624,600	4,873,800	9,747,600	12.6921
Denmark	855,300	2,565,900	5,131,800	6.6820
Dominica	204,900	614,700	1,229,400	1.6007
Dominican Republic	2,125,700	6,377,100	12,754,200	16.6070
Ecuador	66,300	198,900	397,800	0.5179
Egypt	266,500	799,500	1,599,000	2.0820
El Salvador	58,200	174,600	349,200	0.4546
Estonia	69,800	209,400	418,800	0.5453
Fiji	105,300	315,900	631,800	0.8226
France	93,700	281,100	562,200	0.7320
Georgia	108,500	325,500	651,000	0.8476
Germany	95,300	285,900	571,800	0.7445
Ghana	131,100	393,300	786,600	1.0242
Gibraltar	83,600	250,800	501,600	0.6531
Greece	71,000	213,000	426,000	0.5546
Grenada	209,700	629,100	1,258,200	1.6382
Guatemala	508,500	1,525,500	3,051,000	3.9726
Guyana	11,462,300	34,386,900	68,773,800	89.5492
Honduras	1,363,200	4,089,600	8,179,200	10.6500
Hong Kong, China	769,700	2,309,100	4,618,200	6.0132
Hungary	18,394,100	55,182,300	110,364,600	143.7039
India	1,516,300	4,548,900	9,097,800	11.8460
Indonesia	499,087,500	1,497,262,500	2,994,525,000	3,899.1210

Thị trường	Thu nhập MDRT	Thu nhập COT	Thu nhập TOT	Hệ số Chuyển đổi thu nhập
Ireland	103,200	309,600	619,200	0.8062
Isle of Man	87,800	263,400	526,800	0.6859
Israel	482,200	1,446,600	2,893,200	3.7671
Italy	85,200	255,600	511,200	0.6656
Jamaica West Indies	6,681,100	20,043,300	40,086,600	52.1960
Japan	13,071,200	39,213,600	78,427,200	102.1187
Jordan	37,200	111,600	223,200	0.2906
Kazakhstan	10,286,500	30,859,500	61,719,000	80.3632
Kenya	5,364,500	16,093,500	32,187,000	41.9101
Kuwait	25,500	76,500	153,000	0.1992
Laos	356,609,700	1,069,829,100	2,139,658,200	2,786.0132
Latvia	55,700	167,100	334,200	0.4351
Lebanon	107,084,800	321,254,400	642,508,800	836.6000
Lithuania	58,300	174,900	349,800	0.4554
Luxembourg	110,200	330,600	661,200	0.8609
Macau, China	571,900	1,715,700	3,431,400	4.4679
Macedonia	2,440,800	7,322,400	14,644,800	19.0687
Malaysia	203,200	609,600	1,219,200	1.5875
Malta	38,300	114,900	229,800	0.2992
Mauritius	2,117,000	6,351,000	12,702,000	16.5390
Mexico	1,144,700	3,434,100	6,868,200	8.9429
Montenegro	9,200	27,600	55,200	0.0718
Montserrat	104,000	312,000	624,000	0.8125
Mozambique	2,682,800	8,048,400	16,096,800	20.9593
Myanmar	43,217,200	129,651,600	259,303,200	337.6343
Namibia	701,100	2,103,300	4,206,600	5.4773
Nepal	2,408,300	7,224,900	14,449,800	18.8148
Netherlands	99,900	299,700	599,400	0.7804
New Zealand	183,300	549,900	1,099,800	1.4320
Nicaragua	1,443,800	4,331,400	8,662,800	11.2796
Nigeria	9,974,500	29,923,500	59,847,000	77.9257
Norway	1,262,800	3,788,400	7,576,800	9.8656
Oman	23,100	69,300	138,600	0.1804
Pakistan	3,076,100	9,228,300	18,456,600	24.0320
Panama	60,100	180,300	360,600	0.4695
Peru	208,000	624,000	1,248,000	1.6250
Philippines	2,191,500	6,574,500	13,149,000	17.1210
Poland	229,300	687,900	1,375,800	1.7914
Portugal	73,300	219,900	439,800	0.5726
Qatar	291,500	874,500	1,749,000	2.2773
Republic of Korea	108,371,600	325,114,800	650,229,600	846.6531
Romania	220,000	660,000	1,320,000	1.7187
Saudi Arabia	255,200	765,600	1,531,200	1.9937
Serbia	4,915,400	14,746,200	29,492,400	38.4015
Singapore	125,400	376,200	752,400	0.9796
Slovakia	68,600	205,800	411,600	0.5359
Slovenia	72,600	217,800	435,600	0.5671
South Africa	486,500	1,459,500	2,919,000	3.8007
Spain	80,500	241,500	483,000	0.6289
Sri Lanka	4,630,200	13,890,600	27,781,200	36.1734
St. Kitts and Nevis	217,300	651,900	1,303,800	1.6976
St. Lucia	242,800	728,400	1,456,800	1.8968
St. Maarten	121,000	363,000	726,000	0.9453
St. Vincent	201,000	603,000	1,206,000	1.5703
Suriname	410,000	1,230,000	2,460,000	3.2031
Sweden	1,130,000	3,390,000	6,780,000	8.8281
Switzerland	146,200	438,600	877,200	1.1421
Taiwan Area	2,351,200	7,053,600	14,107,200	18.3687
Tanzania	95,057,300	285,171,900	570,343,800	742.6351
Thailand	1,579,700	4,739,100	9,478,200	12.3414
Togo	30,108,200	90,324,600	180,649,200	235.2203
Tonga	208,100	624,300	1,248,600	1.6257
Trinidad & Tobago	509,200	1,527,600	3,055,200	3.9781
Turkey	356,000	1,068,000	2,136,000	2.7812
Turks & Caicos	132,500	397,500	795,000	1.0351
Uganda	168,435,000	505,305,000	1,010,610,000	1,315.8984

Thị trường	Thu nhập MDRT	Thu nhập COT	Thu nhập TOT	Hệ số Chuyển đổi thu nhập
Ukraine	462,900	1,388,700	2,777,400	3.6164
United Arab Emirates	303,000	909,000	1,818,000	2.3671
United Kingdom	88,200	264,600	529,200	0.6890
United States	128,000	384,000	768,000	1.0000
Uruguay	2,066,300	6,198,900	12,397,800	16.1429
Venezuela	950,800	2,852,400	5,704,800	7.4281
Vietnam	624,913,700	1,874,741,100	3,749,482,200	4,882.1382
Zambia	390,000	1,170,000	2,340,000	3.0468
Zimbabwe	1,734,700	5,204,100	10,408,200	13.5523